

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 8 năm 2022
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Sơ
- Ông Phùng Quốc Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ B, thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án tại Đội 16, phân trại 3, Trại giam Quyết Tiến, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày như sau:

Về tình cảm, anh chị kết hôn từ năm 2010, có đi đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2010 tại UBND thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức

cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi hết hôn, anh chị C sống hạnh phúc vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian đó, anh C nhiều lần đi chấp hành án. Hiện nay, anh C đang chấp hành về tội tàng trữ trái phép chất ma túy trong thời gian 05 năm tại Trại giam Tuyên Quang. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con C, anh chị có 01 con C là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23/01/2011. Trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu ở với chị. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con C cùng chị.

Về tài sản C và nợ nần C vợ chồng: Không có.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về tình cảm, anh xác định anh và chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 31/5/2010. Trong quá trình C sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ năm 2012. Chị Y bỏ về Sơn La sống cùng bố mẹ. Bản thân anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Bản thân anh đang chấp hành án phạt tù tại Đội 16, phân trại số 3 Trại giam Quyết Tiến, không thể tham gia phiên tòa được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con C, anh chị có 01 con C là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23/01/2011. Hiện tại cháu đang cư trú tại Thôn Đoàn Kết, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đề nghị Tòa án xét xử cho chị Y được quyền nuôi con, anh không có ý kiến nào khác. Hiện anh đang chấp hành án nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con C.

Về tài sản C và nợ C: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do anh C đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến, Tuyên Quang nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn C. Về con C: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con C cùng chị Y. Về tài sản C vợ chồng và nợ C: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con C với anh Nguyễn Văn C. Anh Nguyễn Văn C hộ khẩu thường trú tại Tổ trung tâm 3, thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, tại đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Văn C (có xác nhận của Trại giam Quyết Tiến) đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Y. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con C khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự nhưng các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/5/2010. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị C sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Y cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh C nghiện ma túy, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh C nhiều lần đi chấp hành án và hiện đang chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Trại giam tỉnh Tuyên Quang. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tại bản tự khai

gửi cho Tòa án, anh C xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2012, chị Y sống ở Sơn La. Anh đề nghị Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn cho anh chị. Các tài liệu trong hồ sơ thấy rằng anh C hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, tỉnh Tuyên Quang về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị Thúy đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn C.

[2.2] *Về con C*: Chị Y và anh C có 01 con C là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23/01/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều xác nhận trong thời gian ly thân cháu T do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời thống nhất giao cháu T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh C đang đi chấp hành án, chị Y có nơi cư trú ổn định, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, cần giao cháu Nguyễn Thị Thanh T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con C cùng chị. Anh C cho rằng hiện đang hành án nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con C. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Y là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản C và nợ C vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh C thống nhất xác nhận không có tài sản C và nợ C vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản C và nợ C trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] *Về án phí*: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 238, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn C.
2. Về con C: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận việc chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con C định kỳ cùng chị.

Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản C và nợ C vợ chồng: Chị Y và anh C xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì các đương sự được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001638 ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tráng A Tẻnh